

Số: 344/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 18 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 3067/TT-SGTVT ngày 30/10/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 05 (năm) thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải Hà Tĩnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành và thay thế các TTHC số 65, 66, 67 thuộc lĩnh vực Đường bộ; TTHC số 01, 02 thuộc lĩnh vực Đường thủy nội địa ban hành kèm theo Quyết định số 2349/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải và UBND cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Giám đốc Trung tâm Hành chính công tỉnh và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC, VPCP;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Trung tâm HCC tỉnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT.

CHỦ TỊCH

Đặng Quốc Khánh

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH HÀ TĨNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3442/QĐ-UBND ngày 13/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực Đường bộ (3 TTHC)				
1.	Thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông	<p>- 20 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, đối với dự án nhóm B (Sở Giao thông vận tải 15 ngày; Văn phòng UBND tỉnh 05 ngày);</p> <p>- 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, đối với dự án nhóm C (Sở Giao thông vận tải 10 ngày; Văn phòng UBND tỉnh</p>	Trung tâm Hành chính công tỉnh Hà Tĩnh (Số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh)	Theo Biểu mức phí quy định tại Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	<p>- Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định: số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm; số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020</p> <p>- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		05 ngày).			18/06/2015 của Chính phủ Về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; - Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng.
2.	Thẩm định, phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Sở Giao thông vận tải 10 ngày; Văn phòng UBND tỉnh 05 ngày).	Nt	Nt	Nt
3.	Thẩm định, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình giao thông	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Sở Giao thông vận tải 15 ngày; Văn phòng	Nt	Nt	Nt

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		UBND tỉnh 05 ngày).			
II Lĩnh vực Đường thủy (2 TTHC)					
1.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa	05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nt	Lệ phí: Không	<p>- Nghị định số 128/2018/NĐ-CP ngày 24/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực đường thủy nội địa;</p> <p>- Nghị định số 78/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa;</p> <p>- Quyết định số 2084a /QĐ-BGTVT ngày 20/9/2018 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc công bố TTHC sửa đổi lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.</p>
2.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều	- Đối với trường hợp cấp lại khi Giấy chứng nhận	Nt	Lệ phí: Không	Nt

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa	bị mất, bị hỏng: 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận khi thay đổi địa chỉ hoặc loại cơ sở đào tạo: 04 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

